DANH SÁCH CHI TIẾT 225 CĂN HỘ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THÔNG TIN LẦN 2

(Kèm theo văn bản số 113../2026/CV-DONAR ngày 27../10../2026)

STT	THÁP	TẦNG	CĂN	TÊN CĂN HỘ	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (M2)
1	TA	01	02	TA.01-02	47.9	42.5
2	TA	01	03	TA.01-03	37.8	33.8
3	TA	03	08	TA.03-08	36.1	31.9
4	TA	03	09	TA.03-09	36.1	31.9
5	TA	03	16	TA.03-16	36.1	31.9
6	TA	03	21	TA.03-21	36.5	32.3
7	TA	04	07	TA.04-07	46.9	42.0
8	TA	04	08	TA.04-08	36.1	31.9
9	TA	04	09	TA.04-09	36.1	31.9
10	TA	04	10	TA.04-10	46.6	41.8
11	TA	04	11	TA.04-11	46.6	41.8
12	TA	04	14	TA.04-14	47.6	41.8
13	TA	04	15	TA.04-15	46.6	41.8
14	TA	04	16	TA.04-16	36.1	31.9
15	TA	04	21	TA.04-21	36.5	32.3
16	TA	05	08	TA.05-08	36.1	31.9
17	TA	05	15	TA.05-15	46.6	41.8
18	TA	05	16	TA.05-16	36.1	31.9
19	TA	06	08	TA.06-08	36.1	31.9
20	TA	06	09	TA.06-09	36.1	31.9
21	TA	07	07	TA.07-07	46.9	42.0
22	TA	07	08	TA.07-08	36.1	31.9
23	TA	07	09	TA.07-09	36.1	31.9
24	TA	07	10	TA.07-10	46.6	41.8
25	TA	07	11	TA.07-11	46.6	41.8
26	TA	07	15	TA.07-15	46.6	41.8
27	TA	07	16	TA.07-16	36.1	31.9
28	TA	07	17	TA.07-17	46.8	41.8
29	TA	07	21	TA.07-21	36.5	32.3
30	TA	08	08	TA.08-08	36.1	31.9
31	TA	08	09	TA.08-09	36.1	31.9
32	TA	08	14	TA.08-14	47.6	41.8
33	TA	08	16	TA.08-16	36.1	31.9
34	TA	08	21	TA.08-21	36.5	32.3
35	TA	09	01	TA.09-01	47.6	41.8
36	TA	09	07	TA.09-07	46.9	42.0
37	TA	09	08	TA.09-08	36.1	31.9
38	TA	09	11	TA.09-11	46.6	41.8
39	TA	09	16	TA.09-16	36.1	31.9

STT	THÁP	TẦNG	CĂN	TÊN CĂN HỘ	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (M2)
40	TA	10	08	TA.10-08	36.1	31.9
41	TA	10	09	TA.10-09	36.1	31.9
42	TA	10	14	TA.10-14	47.6	41.8
43	TA	10	16	TA.10-16	36.1	31.9
44	TA	10	17	TA.10-17	46.8	41.8
45	TA	10	21	TA.10-21	36.5	32.3
46	TA	11	04	TA.11-04	47.4	42.4
47	TA	11	08	TA.11-08	36.1	31.9
48	TA	11	09	TA.11-09	36.1	31.9
49	TA	11	14	TA.11-14	47.6	41.8
50	TA	11	15	TA.11-15	46.6	41.8
51	TA	11	16	TA.11-16	36.1	31.9
52	TA	11	17	TA.11-17	46.8	41.8
53	TA	11	21	TA.11-21	36.5	32.3
54	TA	12A	01	TA.12A-01	47.6	41.8
55	TA	12A	02	TA.12A-02	46.6	41.8
56	TA	12A	04	TA.12A-04	47.4	42.4
57	TA	12A	08	TA.12A-08	36.1	31.9
58	TA	12A	12B	TA.12A-12B	47.6	41.8
59	TA	12A	15	TA.12A-15	36.1	31.9
60	TA	12A	20	TA.12A-20	36.5	32.3
61	TA	12B	01	TA.12B-01	47.6	41.8
62	TA	12B	02	TA.12B-02	46.6	41.8
63	TA	12B	03	TA.12B-03	47.1	42.2
64	TA	12B	04	TA.12B-04	47.4	42.4
65	TA	12B	07	TA.12B-07	46.9	42.0
66	TA	12B	08	TA.12B-08	36.1	31.9
67	TA	12B	09	TA.12B-09	36.1	31.9
68	TA	12B	10	TA.12B-10	46.6	41.8
69	TA	12B	12B	TA.12B-12B	47.6	41.8
70	TA	12B	14	TA.12B-14	46.6	41.8
71	TA	12B	15	TA.12B-15	36.1	31.9
72	TA	12B	16	TA.12B-16	46.8	41.8
73	TA	12B	20	TA.12B-20	36.5	32.3
74	TA	14	01	TA.14-01	47.6	41.8
75	TA	14	02	TA.14-02	46.6	41.8
76	TA	14	04	TA.14-04	47.4	42.4
77	TA	14	07	TA.14-07	46.9	42.0
78	TA	14	08	TA.14-08	36.1	31.9
79	TA	14	09	TA.14-09	36.1	31.9
80	TA	14	10	TA.14-10	46.6	41.8
81	TA	14	11	TA.14-11	46.6	41.8
82	TA	14	14	TA.14-14	47.6	41.8

STT	THÁP	TẦNG	CĂN	TÊN CĂN HỘ	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (M2)
83	TA	14	15	TA.14-15	46.6	41.8
84	TA	14	16	TA.14-16	36.1	31.9
85	TA	14	17	TA.14-17	46.8	41.8
86	TA	14	21	TA.14-21	36.5	32.3
87	TA	15	01	TA.15-01	47.6	41.8
88	TA	15	02	TA.15-02	46.6	41.8
89	TA	15	03	TA.15-03	47.1	42.2
90	TA	15	04	TA.15-04	47.4	42.4
91	TA	15	07	TA.15-07	46.9	42.0
92	TA	15	08	TA.15-08	36.1	31.9
93	TA	15	09	TA.15-09	36.1	31.9
94	TA	15	11	TA.15-11	46.6	41.8
95	TA	15	14	TA.15-14	47.6	41.8
96	TA	15	15	TA.15-15	46.6	41.8
97	TA	15	16	TA.15-16	36.1	31.9
98	TA	15	21	TA.15-21	36.5	32.3
99	TB	03	07	TB.03-07	46.6	41.8
100	TB	03	08	TB.03-08	47.6	41.8
101	TB	03	11	TB.03-11	46.6	41.8
102	TB	03	12B	TB.03-12B	36.1	31.9
103	TB	03	14	TB.03-14	36.1	31.9
104	TB	04	01	TB.04-01	36.5	32.3
105	TB	04	05	TB.04-05	46.8	41.8
106	TB	04	06	TB.04-06	36.1	31.9
107	TB	04	07	TB.04-07	46.6	41.8
108	TB	04	08	TB.04-08	47.6	41.8
109	TB	04	11	TB.04-11	46.6	41.8
110	TB	04	12A	TB.04-12A	46.6	41.8
111	TB	04	12B	TB.04-12B	36.1	31.9
112	TB	04	14	TB.04-14	36.1	31.9
113	TB	04	15	TB.04-15	46.9	42.0
114	TB	04	21	TB.04-21	47.6	41.8
115	TB	05	01	TB.05-01	36.5	32.3
116	TB	05	05	TB.05-05	46.8	41.8
117	TB	05	07	TB.05-07	46.6	41.8
118	TB	05	08	TB.05-08	47.6	41.8
119	TB	05	11	TB.05-11	46.6	41.8
120	TB	05	12B	TB.05-12B	36.1	31.9
121	TB	05	14	TB.05-14	36.1	31.9
122	TB	05	18	TB.05-18	46.9	42.0
123	TB	05	21	TB.05-21	47.6	41.8
124	TB	06	06	TB.06-06	36.1	31.9
125	TB	06	12A	TB.06-12A	36.1	31.9

STT	THÁP	TẦNG	CĂN	TÊN CĂN HỘ	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (M2)
126	TB	06	12B	TB.06-12B	36.1	31.9
127	TB	07	01	TB.07-01	36.5	32.3
128	TB	07	06	TB.07-06	36.1	31.9
129	TB	07	07	TB.07-07	46.6	41.8
130	TB	07	10	TB.07-10	46.6	41.8
131	TB	07	11	TB.07-11	46.6	41.8
132	TB	07	12A	TB.07-12A	36.1	31.9
133	TB	07	12B	TB.07-12B	36.1	31.9
134	TB	07	14	TB.07-14	46.9	42.0
135	TB	07	17	TB.07-17	46.9	42.0
136	TB	07	20	TB.07-20	47.6	41.8
137	TB	08	06	TB.08-06	36.1	31.9
138	TB	08	07	TB.08-07	46.6	41.8
139	TB	08	08	TB.08-08	47.6	41.8
140	TB	08	14	TB.08-14	36.1	31.9
141	TB	09	01	TB.09-01	36.5	32.3
142	TB	09	03	TB.09-03	55.1	48.8
143	TB	09	04	TB.09-04	68.7	61.7
144	TB	09	06	TB.09-06	36.1	31.9
145	TB	09	07	TB.09-07	46.6	41.8
146	TB	09	09	TB.09-09	69.9	61.7
147	TB	09	11	TB.09-11	46.6	41.8
148	TB	09	12A	TB.09-12A	46.6	41.8
149	TB	09	12B	TB.09-12B	36.1	31.9
150	TB	09	14	TB.09-14	36.1	31.9
151	TB	09	19	TB.09-19	47.1	42.2
152	TB	09	20	TB.09-20	47.1	42.2
153	TB	09	21	TB.09-21	47.6	41.8
154	TB	10	01	TB.10-01	36.5	32.3
155	TB	10	05	TB.10-05	46.8	41.8
156	TB	10	06	TB.10-06	36.1	31.9
157	TB	10	07	TB.10-07	46.6	41.8
158	TB	10	08	TB.10-08	47.6	41.8
159	TB	10	11	TB.10-11	46.6	41.8
160	TB	10	12A	TB.10-12A	46.6	41.8
161	TB	10	18	TB.10-18	46.9	42.0
162	TB	10	21	TB.10-21	47.6	41.8
163	TB	11	01	TB.11-01	36.5	32.3
164	TB	11	05	TB.11-05	46.8	41.8
165	TB	11	06	TB.11-06	36.1	31.9
166	TB	11	07	TB.11-07	46.6	41.8
167	TB	11	09	TB.11-09	69.9	61.7
168	TB	11	11	TB.11-11	46.6	41.8

STT	THÁP	TẦNG	CĂN	TÊN CĂN HỘ	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (M2)
169	TB	11	12A	TB.11-12A	46.6	41.8
170	TB	11	12B	TB.11-12B	36.1	31.9
171	TB	11	14	TB.11-14	36.1	31.9
172	TB	11	19	TB.11-19	47.1	42.2
173	TB	11	20	TB.11-20	47.1	42.2
174	TB	11	21	TB.11-21	47.6	41.8
175	TB	12A	01	TB.12A-01	36.5	32.3
176	TB	12A	05	TB.12A-05	46.8	41.8
177	TB	12A	06	TB.12A-06	36.1	31.9
178	TB	12A	07	TB.12A-07	46.6	41.8
179	TB	12A	08	TB.12A-08	47.6	41.8
180	TB	12A	11	TB.12A-11	46.6	41.8
181	TB	12A	12B	TB.12A-12B	36.1	31.9
182	TB	12A	14	TB.12A-14	36.1	31.9
183	TB	12A	15	TB.12A-15	46.9	42.0
184	TB	12A	19	TB.12A-19	47.1	42.2
185	TB	12A	20	TB.12A-20	47.1	42.2
186	TB	12A	21	TB.12A-21	47.6	41.8
187	TB	12B	01	TB.12B-01	36.5	32.3
188	TB	12B	05	TB.12B-05	46.8	41.8
189	TB	12B	06	TB.12B-06	36.1	31.9
190	TB	12B	07	TB.12B-07	46.6	41.8
191	TB	12B	08	TB.12B-08	47.6	41.8
192	TB	12B	11	TB.12B-11	46.6	41.8
193	TB	12B	12B	TB.12B-12B	36.1	31.9
194	TB	12B	14	TB.12B-14	36.1	31.9
195	TB	12B	15	TB.12B-15	46.9	42.0
196	TB	12B	18	TB.12B-18	46.9	42.0
197	TB	12B	19	TB.12B-19	47.1	42.2
198	TB	12B	20	TB.12B-20	47.1	42.2
199	TB	12B	21	TB.12B-21	47.6	41.8
200	TB	14	01	TB.14-01	36.5	32.3
201	TB	14	05	TB.14-05	46.8	41.8
202	TB	14	06	TB.14-06	36.1	31.9
203	TB	14	08	TB.14-08	47.6	41.8
204	TB	14	11	TB.14-11	46.6	41.8
205	TB	14	12A	TB.14-12A	46.6	41.8
206	TB	14	12B	TB.14-12B	36.1	31.9
207	TB	14	14	TB.14-14	36.1	31.9
208	TB	14	15	TB.14-15	46.9	42.0
209	TB	14	19	TB.14-19	47.1	42.2
210	TB	14	20	TB.14-20	47.1	42.2
211	TB	14	21	TB.14-21	47.6	41.8

STT	THÁP	TẦNG	CĂN	TÊN CĂN HỘ	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (M2)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG (M2)
212	TB	15	01	TB.15-01	36.5	32.3
213	TB	15	05	TB.15-05	46.8	41.8
214	TB	15	06	TB.15-06	36.1	31.9
215	TB	15	07	TB.15-07	46.6	41.8
216	TB	15	08	TB.15-08	47.6	41.8
217	TB	15	11	TB.15-11	46.6	41.8
218	TB	15	12A	TB.15-12A	46.6	41.8
219	TB	15	12B	TB.15-12B	36.1	31.9
220	TB	15	14	TB.15-14	36.1	31.9
221	TB	15	15	TB.15-15	46.9	42.0
222	TB	15	18	TB.15-18	46.9	42.0
223	TB	15	19	TB.15-19	47.1	42.2
224	TB	15	20	TB.15-20	47.1	42.2
225	TB	15	21	TB.15-21	47.6	41.8